

Thứ ba, ngày 10 tháng 3 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên hồi phục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 11/3/2020		●	
Tuần 9/3-13/3/2020		●	
Tháng 3/2020		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Ngay từ những phút đầu phiên sáng, VN-Index đã giảm điểm tiêu cực trước áp lực lớn của các mã bluechips như GAS, PLX, MWG, BVH. Trong suốt thời gian còn lại, chỉ số nỗ lực hồi phục về trên mốc tham chiếu. Đà bứt phá ấn tượng của VNM, VCB, VHM đã giúp thị trường thành công lấy lại được sắc xanh. Đây là vận động đồng thuận với các TTCK lớn trong khu vực và trên thế giới. Thanh khoản tuy giảm nhẹ so với phiên trước nhưng vẫn duy trì ở mức trung bình, cho thấy dòng tiền phần lớn vẫn nằm trong thị trường. Điểm trừ trong phiên hôm nay vẫn đến từ chuỗi bán ròng mạnh của khối ngoại.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 760 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 10/03/2020, chứng quyền có sự phân hóa về giá, trong khi phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng. Khối lượng giao dịch duy trì tại mức cao.

Danh mục i-Invest: Theme_Vật liệu Xây dựng_ 2.1%. 13/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Vật liệu Xây dựng** - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **2.1%**, con số này của VNINDEX là 0.2%.

Phân tích kỹ thuật: HPG_Bắt đáy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+2.01 điểm**, đóng cửa 837.50. HNX-Index **-0.14 điểm**, đóng cửa 106.20.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+2.50); VCB (+1.42); VHM (+1.16); HPG (+0.67); CTG (+0.55).**
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-1.90); BID (-1.36); PLX (-0.80); BVH (-0.53); MWG (-0.26).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,657 tỷ đồng**, **-15%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 36.65 điểm. Thị trường có **204 mã tăng**, 44 mã tham chiếu và **164 mã giảm**.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **398.11 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm E1VFN30 (120.71 tỷ), MSN (64.15 tỷ) và HPG (54.58 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **17.25 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

837.50

Giá trị: 3657.22 tỷ

2.01 (0.24%)

Khối ngoại (ròng): -398.11 tỷ

HNX-INDEX

106.20

Giá trị: 647.57 tỷ

-0.14 (-0.13%)

Khối ngoại (ròng): -17.25 tỷ

UPCOM-INDEX

53.41

Giá trị: 0.24 tỷ

0.97 (1.85%)

Khối ngoại(ròng): 9.1 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	33.4	7.39%
Giá vàng	1,659	-1.25%
Tỷ giá USD/VND	23,190	-0.06%
Tỷ giá EUR/VND	26,447	-0.48%
Tỷ giá JPY/VND	22,179	-1.25%
LS liên NH 1 tháng	2.8%	12.80%
LS TPCP 5 năm	1.9%	6.51%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	56.2	E1VFN30	120.7
CTG	22.7	MSN	64.2
PHR	9.1	HPG	54.6
STB	6.3	VRE	35.8
VCB	3.2	VHM	31.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **13/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Vật liệu Xây dựng** - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **2.1%**, con số này của VNINDEX là 0.2%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **6/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**
- **5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review

10/3/2020

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Vật liệu Xây dựng_2.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Vật liệu Xây dựng	2.1%	-5.3%	-7.4%	-13.3%	-10.6%	-13.6%	-7.9%	18.9%
FTSE Việt Nam	1.9%	-4.9%	-10.6%	-14.6%	-14.4%	-16.9%	52.3%	15.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.9%	-4.2%	-5.0%	-7.5%	-6.6%	-5.0%	-5.0%	14.8%
Ngân hàng	1.5%	-6.6%	-5.2%	2.0%	6.6%	8.6%	72.1%	21.7%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.3%	-5.9%	-6.8%	-10.2%	-9.1%	-6.9%	41.1%	15.7%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.0%	-6.1%	-8.0%	-11.2%	-12.3%	-12.4%	28.6%	15.0%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.9%	-5.3%	-10.5%	-15.9%	-16.2%	-19.0%	44.4%	14.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.5%	-6.9%	-5.2%	-8.0%	-7.4%	0.2%	44.3%	17.5%
VN Diamond	0.4%	-7.3%	-4.6%	-5.2%	-4.4%	3.3%	43.8%	17.4%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.4%	-7.2%	-6.8%	-5.4%	-3.1%	10.4%	77.3%	19.6%
Lãi suất giảm	0.4%	-5.8%	-7.7%	-9.6%	-12.9%	-17.2%	26.6%	17.9%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.4%	-6.2%	-5.5%	1.9%	5.5%	1.5%	37.1%	19.8%
VN FinSelect	0.3%	-5.8%	-4.8%	0.5%	3.2%	-1.1%	31.9%	18.3%
Ngành Dược	0.0%	-2.7%	-8.1%	-4.5%	1.5%	-2.1%	31.3%	17.8%
Hàng tiêu dùng	-0.1%	-5.2%	-6.2%	-14.5%	-18.7%	-16.0%	29.1%	17.9%
Chiến tranh thương mại	-0.2%	-7.3%	-6.9%	-15.1%	-19.8%	-17.0%	-6.6%	15.9%
BĐS & Khu công nghiệp	-0.3%	-5.4%	-7.3%	-13.5%	-16.1%	-15.1%	24.6%	16.3%
Xây dựng	-0.6%	-4.8%	-4.9%	-12.4%	-22.7%	-31.6%	-15.5%	18.6%
Nước & Năng lượng	-0.9%	-8.3%	-9.3%	-18.6%	-20.3%	-21.0%	19.8%	14.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-1.4%	-5.6%	-7.5%	-15.9%	-15.9%	-27.7%	16.6%	21.4%
Dầu khí	-2.9%	-11.2%	-14.8%	-26.6%	-29.5%	-31.6%	-14.4%	23.3%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 13	0.9%	-6.3%	-7.6%	-12.1%	-11.6%	-3.1%	43.4%	15.6%
Danh mục 4	0.9%	-7.1%	-6.1%	-13.1%	-11.5%	-1.6%	33.4%	16.5%
Danh mục 1	0.8%	-6.2%	-8.7%	-8.0%	-4.6%	-2.9%	65.8%	17.5%
Danh mục 17	-0.8%	-7.1%	-8.3%	-13.8%	-14.5%	-13.2%	90.4%	18.6%
Danh mục 6	-1.1%	-7.5%	-5.8%	-9.6%	-10.5%	-6.4%	46.8%	20.4%

* Note **6/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 21	1.4%	-6.5%	-5.9%	-9.5%	-8.5%	-1.5%	39.3%	16.2%
Danh mục 22	1.0%	-6.5%	-7.2%	-8.8%	-6.7%	7.8%	50.9%	16.9%
Danh mục 19	1.0%	-7.2%	-7.4%	-10.7%	-9.3%	-0.3%	37.2%	15.7%
Danh mục 25	0.2%	-8.0%	-8.1%	-11.1%	-11.3%	1.1%	74.9%	17.0%
Danh mục 24	-0.7%	-8.2%	-9.9%	-9.2%	-8.8%	-3.9%	41.6%	19.3%

* Note **5/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

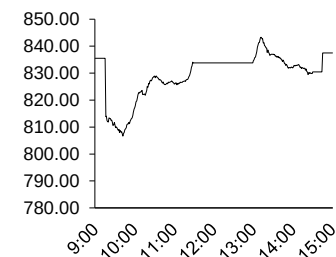
INDEX								
VNINDEX	0.2%	-6.0%	-10.0%	-13.3%	-14.0%	-15.7%	17.8%	15.7%
VN30INDEX	0.9%	-5.8%	-7.4%	-10.6%	-10.9%	-14.4%	20.0%	16.1%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

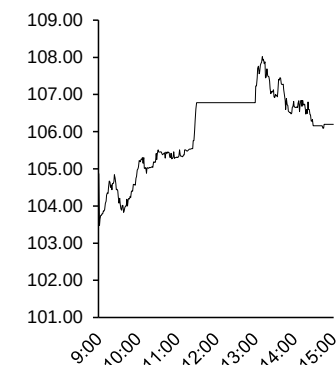
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	2.8%
Công nghệ Thông tin	2.6%
Thực phẩm và đồ uống	2.1%
Hóa chất	1.7%
Xây dựng và Vật liệu	0.6%
Bất động sản	0.5%
Y tế	0.4%
Ngân hàng	0.3%
Du lịch và Giải trí	0.3%
Viễn thông	0.0%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.3%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.3%
Dịch vụ tài chính	-0.6%
Bán lẻ	-2.1%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.9%
Bảo hiểm	-3.0%
Ô tô và phụ tùng	-3.1%
Truyền thông	-4.3%
Dầu khí	-5.2%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

HPG_Bắt đáy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Thoát khỏi vùng quá bán.
- Đường MA: EMA12 nằm dưới EMA26.

Nhận định: HPG thời gian vừa qua đã ở trong trạng thái giảm giá ngắn hạn theo xu hướng chung của thị trường sau Tết Nguyên Đán. Thanh khoản cổ phiếu thời gian gần đây vẫn giữ giá trị tốt và ổn định. Hôm nay, lực cầu bắt đáy tăng cao đã đẩy HPG tăng gần 4% và góp công giúp VNIndex lội ngược dòng tăng nhẹ vào cuối phiên. Các chỉ báo kỹ thuật đa số vẫn đang ở trong trạng thái tiêu cực. Chỉ báo động lượng RSI vừa thoát khỏi vùng quá bán cho thấy cổ phiếu có thể hồi phục nhẹ trong những phiên tới. Theo đánh giá của chúng tôi, vùng giá xung quanh 21 là ngưỡng hỗ trợ vững của cổ phiếu, do đó, nếu duy trì được động lực tăng giá, HPG tiềm năng sẽ tiếp cận trở lại khu vực 23.5-24.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 10/3/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 10/3	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	32.73	5.14%	-30.63%	-36.00%	-44.03%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	36.47	6.14%	-29.68%	-33.45%	-44.45%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	119.04	4.71%	-22.26%	-28.64%	-33.79%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1668.44	-0.71%	1.68%	6.24%	27.01%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.04	0.16%	-1.02%	-3.72%	10.50%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	876.75	0.78%	-2.96%	-2.01%	-7.56%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	520.50	0.34%	-1.28%	-5.96%	8.10%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.27	-0.18%	-0.43%	-5.57%	3.30%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	159.50	1.08%	-8.33%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.61	-3.15%	-8.69%	-13.09%	-7.96%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	109.20	1.68%	-5.54%	9.36%	-4.29%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5535.00	-1.28%	-2.89%	-3.49%	-13.61%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3460.00	1.74%	0.64%	5.38%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1687.00	0.12%	-1.75%	-2.88%	-8.66%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	652.00	3.17%	-0.38%	12.26%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	65.35	-1.66%	-3.11%	-9.05%	-23.48%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu Brent giảm 10.91 USD xuống 34.36 USD/thùng, trong khi dầu WTI giảm 10.15 USD xuống 31.13 USD/thùng. Đây là mức giảm mạnh nhất trong ngày kể từ 1999 – khi bắt đầu Cuộc chiến Vùng Vịnh lần thứ nhất.
- Giá dầu lao dốc mất 1/3 giá trị trong phiên vừa qua sau khi Saudi Arabia "tuyên chiến" với Nga về 'cuộc chiến giá dầu', giữa bối cảnh các nhà đầu tư vốn đã hoang mang tột độ bởi sự lây lan nhanh chóng của virus corona nên đổ xô tới những tài sản an toàn như trái phiếu hay đồng yen Nhật.
- Chỉ số chứng khoán Châu Âu lao dốc; chỉ số S&P500 giảm 7% ngay khi vừa mở cửa buổi Phở Wall phải tạm dừng giao dịch 15 phút giống như 10 năm trước khi khủng hoảng tài chính; lợi suất trái phiếu Mỹ kỳ hạn 10 năm giảm xuống chỉ 0.318%; lợi suất trái phiếu chính phủ Đức xuống thấp kỷ lục; còn vàng lao dốc lên 1,700 USD/ounce lần đầu tiên kể từ 2012 và tăng tổng cộng hơn 10% kể từ đầu năm đến nay.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.1% xuống 1,672.32 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4 của Mỹ đóng cửa tăng 0.2% lên 1,675.7 USD/ounce. Giá vàng vào cuối phiên giao dịch đã giảm khỏi mức 1,700 USD/ounce của lúc đầu phiên khi nhà đầu tư bán tháo giữa bối cảnh các thị trường chứng khoán và năng lượng sụt giảm.

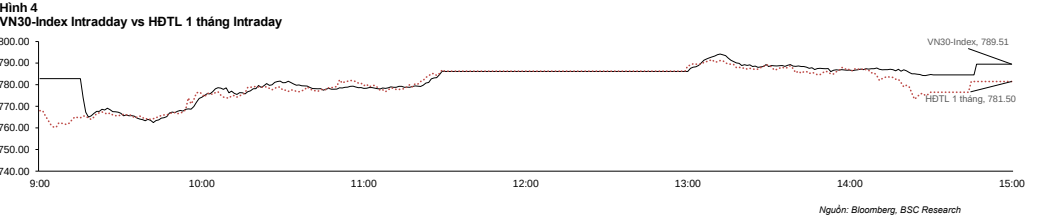
Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 5 giảm 41 US cent, tương đương 3.1%, xuống 12.61 US cent/lb vào cuối phiên. Đường trắng kỳ hạn tháng 5 đóng cửa giảm 14.7 USD (4.0%) xuống 355.6 USD/tấn.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 5 đóng cửa tăng 1.8 US cent (1.7%) trong phiên vừa qua, lên 1.092 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 5 tăng 2 USD (0.2%) lên 1,247 USD/tấn. Các nhà đầu tư đang có xu hướng bán các hợp đồng kỳ hạn gần để mua hợp đồng kỳ hạn xa hơn.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su TOCOM kỳ hạn tháng 8 giảm 10.5 JPY (6.2%) xuống 157.8 JPY (1.55 USD)/kg. Cao su kỳ hạn tháng 5 trên sàn giao dịch Thượng Hải giảm 645 CNY xuống 10,290 CNY (1,482 USD)/tấn vào cuối phiên.
- Giá cao su trên sàn Tokyo đã giảm trên 6% trong phiên vừa qua, là ngày giảm nhiều nhất trong vòng hơn 2 năm, do lo ngại kinh tế toàn cầu sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch Covid-19, và giá dầu lao dốc gây hoảng loạn các thị trường tài chính toàn cầu.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đảo hạn	Số ngày*
VN30F2003	781.50	0.96%	-8.01	57.3%	207,615	3/19/2020	11
VN30F2004	807.00	4.55%	17.49	35.4%	1,090	4/16/2020	39
VN30F2006	790.80	1.35%	1.29	14.7%	219	6/18/2020	102
VN30F2009	781.70	0.51%	-7.81	29.2%	137	9/17/2020	193

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng 6.66 điểm lên mức 789.51 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, HPG, FPT, VPB, và VHM tác động mạnh đến vận động hồi phục của VN30. VN30 tiếp tục giảm mạnh trong phiên ATO xuống 765 điểm, trước khi phục hồi tích cực lên trên 785 điểm trong phiên sáng. Sang phiên chiều, VN30 điều chỉnh giảm nhẹ trong phần lớn thời gian giao dịch, bật tăng trong phiên ATC. Thanh khoản giảm, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 780-795 trong các phiên tiếp theo.

• Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2004, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2003 và VN30F2009 đang tăng, trong khi VN30F2004 và VN30F2006 đang giảm. Điều này báo hiệu vận động phục hồi trong ngắn hạn. Tuy vậy, nhà đầu tư vẫn nên cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 760 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đảo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	45	5:1	277,630	-12.4%	2.0 triệu	21.35%	2,200	460	130.00%	65.40	7.03
CFPT1905	SSI	4/22/2020	43	1:1	45,410	-79.2%	1.0 triệu	25.16%	9,900	2,890	99.31%	711.10	4.06
CVNM1903	SSI	4/22/2020	43	1:1	61,260	-57.2%	1.0 triệu	22.80%	26,600	1,530	51.49%	65.20	23.47
CHPG1907	SSI	4/22/2020	43	1:1	97,610	28.8%	1.0 triệu	27.58%	4,200	1,870	33.57%	1,244.00	1.50
CFPT1908	MBS	6/17/2020	99	3:1	465,340	146.7%	2.4 triệu	25.16%	3,150	1,450	31.82%	671.00	2.16
CHPG2003	MBS	5/4/2020	55	3:1	374,370	-39.6%	6.0 triệu	27.58%	1,570	520	26.83%	0.40	1,300.00
CHPG1909	KIS	5/15/2020	66	2:1	300,050	52.4%	5.0 triệu	27.58%	1,800	420	23.53%	103.30	4.07
CDPM2001	KIS	6/19/2020	101	2:1	177,040	5.6%	2.0 triệu	30.36%	1,000	370	19.35%	79.10	4.68
CFPT2001	HSC	6/22/2020	104	5:1	91,290	-68.0%	5.0 triệu	25.16%	1,600	750	17.19%	286.20	2.62
CREE2001	HSC	6/22/2020	104	5:1	323,500	536.4%	5.0 triệu	25.11%	1,100	390	8.33%	50.80	7.68
CSTB2001	KIS	6/19/2020	101	1:1	267,440	-42.0%	5.0 triệu	25.53%	1,500	1,570	4.67%	907.10	1.73
CVPB2001	HSC	6/22/2020	104	2:1	366,820	647.5%	5.0 triệu	28.53%	1,500	3,380	2.42%	3,158.30	1.07
CTCB1902	VND	6/5/2020	87	1:1	104,700	79.8%	2.0 triệu	25.56%	5,300	1,690	0.00%	999.90	1.69
CHDB2002	MBS	4/10/2020	31	2:1	268,940	15.2%	1.5 triệu	25.20%	1,950	790	-1.25%	355.20	2.22
CMSN2001	KIS	12/16/2020	281	5:1	81,720	-26.0%	2.0 triệu	29.34%	2,300	1,540	-1.28%	393.00	3.92
CREE2001	HSC	6/22/2020	104	2:1	163,670	155.7%	5.0 triệu	23.29%	1,600	720	-4.00%	197.70	3.64
CVRE2001	KIS	9/21/2020	195	4:1	169,510	6.1%	8.0 triệu	26.62%	1,500	460	-4.17%	36.80	12.50
CMBB2001	MBS	4/24/2020	45	10:1	216,740	-38.0%	2.0 triệu	25.41%	1,950	530	-5.36%	130.60	4.06
CMWG2001	HSC	6/22/2020	104	10:1	639,100	12456.0%	5.0 triệu	25.41%	1,700	390	-20.41%	51.90	7.51
CVIC1902	SSI	4/22/2020	43	1:1	11,700	116900.0%	1.0 triệu	18.04%	22,700	1,410	-27.69%	11.50	122.61
CVHM1902	SSI	4/22/2020	43	1:1	122,410	84.3%	1.0 triệu	23.40%	18,600	1,280	-28.49%	331.90	3.86
Tổng:					4,626,250		67.90 triệu	25.44%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 10/03/2020, chứng quyền có sự phân hóa về giá, trong khi phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng. Khối lượng giao dịch duy trì tại mức cao.

• Về giá, CFPT1905 và CVNM1903 tăng mạnh lần lượt là 99.31% và 51.49%. Trái lại, CVIC1902 giảm mạnh -27.69%. Thanh khoản duy trì tương đương phiên liền trước. CVRE1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.15% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là VPB, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2003 và CVPB2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2002 và CVPB2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhqt@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	101.70	4.85	3.54
HPG	21.65	3.84	1.81
FPT	51.70	2.78	1.04
VPB	26.00	1.56	0.93
VHM	76.50	1.59	0.61

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MWG	93.9	-2.09	-0.80
GAS	68.5	-4.99	-0.47
PLX	43.8	-5.30	-0.36
PNJ	73.7	-1.86	-0.34
BID	42.4	-2.75	-0.26

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPNJ2001	94,500	83,500	73,700
CFPT1905	64,900	55,000	51,700
CVNM1903	145,580	118,980	101,700
CHPG1907	25,200	21,000	21,650
CFPT1908	63,450	54,000	51,700
CHPG2003	26,810	22,100	21,650
CHPG1909	28,280	24,680	21,650
CDPM2001	16,567	14,567	12,150
CFPT2001	64,000	56,000	51,700
CREE2001	39,553	34,311	30,300
CSTB2001	12,499	10,999	11,400
CVPB2001	23,000	20,000	26,000
CTCB1902	26,300	21,000	20,700
CHDB2002	29,900	26,000	25,800
CMSN2001	77,289	65,789	52,400
CMBB2001	24,200	21,000	19,150
CVRE2001	42,789	36,789	26,400
CMWG2002	129,500	110,000	93,900
CMWG2001	132,000	115,000	93,900
CVIC1902	137,700	115,000	97,700
CVHM1902	103,600	85,000	76,500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	93.9	-2.1%	0.8	1,850	5.7	8,655	10.8	3.4	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	73.7	-1.9%	1.1	722	2.1	5,327	13.8	3.6	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	48.7	-5.1%	1.3	1,572	0.8	1,632	29.8	1.9	29.3%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	30.8	3.4%	0.7	309	0.3	2,623	11.7	1.0	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	97.7	0.0%	0.9	14,368	3.5	2,268	43.1	4.3	14.7%	11.7%
VRE	Bất động sản	26.4	-0.6%	1.1	2,608	3.4	1,253	21.1	2.2	32.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	53.0	0.0%	0.8	2,234	1.6	3,552	14.9	2.3	6.4%	16.6%
REE	Bất động sản	30.3	1.3%	1.0	408	0.8	5,286	5.7	0.9	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	12.6	-1.2%	1.6	287	1.4	2,850	4.4	0.9	43.3%	20.3%
SSI	Chứng khoán	15.6	0.0%	1.4	350	2.2	1,787	8.7	0.8	53.5%	9.9%
VCI	Chứng khoán	25.5	0.0%	1.0	182	0.2	4,218	6.0	1.0	35.2%	18.0%
HCM	Chứng khoán	16.3	-3.6%	1.9	216	1.1	1,421	11.5	1.2	54.8%	11.7%
FPT	Công nghệ	51.7	2.8%	0.8	1,525	4.5	4,631	11.2	2.5	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	46.6	-0.2%	0.4	504	0.0	4,812	9.7	2.5	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	68.5	-5.0%	1.5	5,700	4.1	6,096	11.2	2.7	3.6%	25.5%
PLX	Dầu khí	43.8	-5.3%	1.5	2,268	1.0	3,495	12.5	2.3	13.4%	19.6%
PVS	Dầu khí	12.9	-5.1%	1.5	268	3.2	1,529	8.4	0.5	19.3%	6.2%
BSR	Dầu khí	7.2	2.9%	0.8	971	0.8	1,163	6.2	0.7	41.1%	11.0%
DHG	Dược	89.5	0.9%	0.4	509	0.1	4,668	19.2	3.5	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	12.2	4.7%	0.6	207	0.6	774	15.7	0.6	18.8%	4.7%
DCM	Hóa chất	5.9	3.7%	0.6	136	0.1	600	9.9	0.5	2.1%	5.2%
VCB	Ngân hàng	79.9	1.7%	1.2	12,884	4.8	5,004	16.0	3.5	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	42.4	-2.8%	1.6	7,415	2.5	2,398	17.7	2.3	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	24.5	2.1%	1.4	3,966	11.6	2,541	9.6	1.2	29.6%	13.2%
VPB	Ngân hàng	26.0	1.6%	1.2	2,756	5.2	3,370	7.7	1.5	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	19.2	-0.5%	1.1	2,008	5.9	3,480	5.5	1.2	20.9%	22.1%
ACB	Ngân hàng	24.2	3.9%	1.2	1,743	7.9	3,686	6.6	1.4	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	40.1	2.7%	0.9	143	0.3	5,165	7.8	1.3	79.3%	17.2%
NTP	Nhựa	28.3	1.1%	0.3	121	0.1	4,167	6.8	1.1	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.7	0.0%	1.0	632	0.0	732	20.1	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.7	3.8%	1.1	2,599	7.5	2,581	8.4	1.3	38.3%	17.0%
HSG	Thép	7.0	-0.6%	1.8	129	1.2	1,161	6.1	0.5	18.0%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	101.7	4.8%	0.8	7,700	7.6	5,478	18.6	6.4	58.6%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	155.3	0.0%	0.8	4,330	0.3	7,477	20.8	5.3	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	52.4	0.8%	1.2	2,663	5.5	4,772	11.0	1.4	38.3%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	19.2	-1.0%	0.3	489	2.0	508	37.7	1.6	6.8%	4.4%
ACV	Vận tải	57.3	1.6%	0.8	5,424	0.4	2,630	21.8	4.1	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	114.5	0.9%	1.1	2,608	1.7	7,889	14.5	3.9	19.4%	28.7%
HVN	Vận tải	23.0	-1.1%	1.7	1,418	1.3	1,640	14.0	1.8	9.8%	12.8%
GMD	Vận tải	18.0	0.8%	0.9	232	0.3	1,595	11.3	0.9	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	11.0	-4.8%	0.6	135	0.5	2,421	4.5	0.7	30.8%	16.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	62.9	3.1%	1.1	438	0.9	8,824	7.1	2.9	2.5%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.9	2.0%	0.6	348	0.2	1,454	12.3	1.3	13.2%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.4	3.1%	0.8	222	0.0	1,953	6.9	1.0	6.5%	14.2%
CTD	Xây dựng	65.0	-0.2%	1.0	216	0.5	8,858	7.3	0.6	46.7%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.7	-1.6%	0.9	474	0.2	1,567	15.8	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	22.0	4.5%	0.4	237	0.2	2,769	7.9	1.0	49.8%	12.9%
POW	Điện	9.5	1.1%	0.6	967	1.2	1,064	8.9	0.8	12.8%	9.7%
NT2	Điện	19.4	2.6%	0.5	243	0.1	2,560	7.6	1.4	18.4%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	101.70	4.85	2.38	1.76MLN
VCB	79.90	1.65	1.40	1.43MLN
VHM	76.50	1.59	1.17	1.05MLN
HPG	21.65	3.84	0.64	8.14MLN
CTG	24.50	2.08	0.54	11.07MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.20	3.86	1.45	7.58MLN
VCS	62.90	3.11	0.06	327800.00
SHN	9.30	5.68	0.06	38200.00
NVB	8.70	1.16	0.04	4.00MLN
DGC	23.20	2.20	0.04	144900.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-2.00	1.38MLN	1.11MLN
BID	0.00	-1.40	1.37MLN	607060.00
PLX	-0.01	-0.92	518640.00	373600.00
BVH	-0.01	-0.56	379820.00	192700.00
MWG	0.00	-0.26	1.43MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	10.10	-9.82	-1.47	13.99MLN
PVS	12.90	-5.15	-0.17	5.76MLN
SHS	7.00	-9.09	-0.10	3.74MLN
L14	45.00	-6.64	-0.04	178800.00
VCG	24.70	-1.59	-0.04	165200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DTL	15.30	6.99	0.02	60.00
LGL	5.69	6.95	0.01	128750.00
DXV	3.10	6.90	0.00	10.00
QCG	6.82	6.90	0.04	1.31MLN
TIX	27.35	6.84	0.02	10.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	25.0	0.00	135800.00
PVX	1.00	11.1	0.02	427100.00
DC2	7.80	9.9	0.00	20800.00
ICG	7.90	9.7	0.01	2700.00
X20	10.30	9.6	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
UDC	3.72	-7.00	0.00	5160.00
YEG	71.80	-6.99	-0.05	10000.00
KPF	23.35	-6.97	-0.01	10.00
HOT	26.05	-6.96	-0.01	30.00
HU1	6.98	-6.93	0.00	10.00

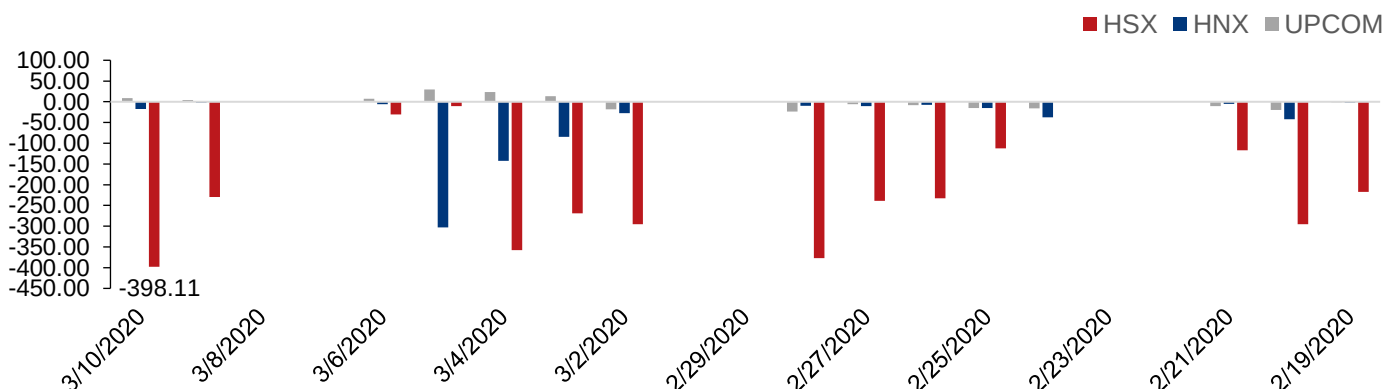
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HJS	21.60	-10.00	-0.01	100.00
LUT	1.80	-10.00	0.00	100.00
MKV	10.80	-10.00	0.00	92000.00
PMS	12.60	-10.00	-0.01	300.00
PSD	10.80	-10.00	-0.01	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
3	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
7	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
8	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
13	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
15	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	101.7	5,478	18.6	6.4	Click
2	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	11.4	2,736	4.1	0.7	Click
3	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	93.9	8,655	10.8	3.4	Click
4	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	29.0	6,362	4.6	1.1	Click
5	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	51.7	4,631	11.2	2.5	Click
6	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	21.0	2,109	10.0	1.5	Click
7	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	25.3	3,897	6.5	1.2	Click
8	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	89.5	4,668	19.2	3.5	Click
9	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	24.6	4,313	5.7	1.1	Click
10	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	73.7	5,327	13.8	3.6	Click
11	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	11.0	2,421	4.5	0.7	Click
12	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	157.8	14,782	10.7	4.3	Click
13	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	10.8	0	30.9	0.3	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	93.9	8,655	10.8	3.4	Click
15	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	24.2	3,686	6.6	1.4	Click
16	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	11.4	2,736	4.1	0.7	Click
17	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	20.7	2,881	7.2	1.2	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	79.9	5,004	16.0	3.5	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	24.0	7,028	3.4	1.2	Click
20	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	51.7	4,631	11.2	2.5	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
VNM 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 127300 ; Giá tại Publish 106400 BSC dự báo KQKD 2020 của VNM với DTT và LNST lần lượt là 62,211 tỷ đồng (+ 10.46% YoY) và 11,281.8 tỷ đồng (+6.6% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 5,840 VND/CP (đã trừ QKTPL), PE fw = 18.2x, và PB fw = 5.4x. VNM DTT tăng trưởng ổn định đạt 56,318 tỷ đồng (+7.1% YoY) tính riêng Quý 4 đạt 14,239 tỷ đồng (tăng +9.5% YoY). BLNG cải thiện lên 47.2% trong 2019 tăng 46 điểm cơ bản so với cùng kì.
Express QNS 2020Q1	17/02/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 35450 ; Giá tại Publish 29000 BSC khuyến nghị MUA cổ phiếu QNS với giá mục tiêu 35,450 đồng/CP dựa theo 2 phương pháp DCF và PE với PE mục tiêu là 7.0x , upside 20% Y/Y so với giá ngày 14/02/2020 là 29,500 đồng/cp. BSC dự báo DTT và LNST của QNS 2020 sẽ đạt lần lượt là 9,471.5 tỷ đồng (+22.6% YoY) và 1,400.9 tỷ đồng (+9.5% YoY), tương đương EPS 2020 là 4,685 vnd/cp (đã trừ đi QKTPL), PE fw là 6.4x và PB Fw là 1.2x.
Express SAB 2020Q1	10/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 190000 ; Giá tại Publish 195000 BSC cho rằng nghị định 100/2019 và dịch bệnh Corona sẽ ảnh hưởng tiêu cực của HDKD ngành bia và đặc biệt SAB trong 2020. Chúng tôi cho rằng sản lượng bia thông qua kênh on-trade (chiếm gần 70-80% doanh thu) sẽ giảm đáng kể từ 15-20% do nhu cầu tiêu thụ bia rượu ở các quán ăn giảm mạnh do ND 100 và dịch bệnh nCoV. Bên cạnh đó, giá bán bia sẽ điều chỉnh giảm theo cung-cầu của thị trường từ 5-10%. Trong trường hợp xấu nhất, BSC dự báo KQKD SAB 2020 với DTT và LNST đạt lần lượt 30,461 tỷ đồng (-20% YoY) và 4,936 tỷ đồng (-8.1% YoY) , tương ứng EPS FW là 6,939 vnd/cp.
Express GTN 2020Q1	15/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu; Giá tại Publish DT và LN TT hợp nhất năm 2020 dự kiến đạt 2,909 tỷ (-2.1%) và 159 tỷ (tăng 16 lần so với 2019). Ảnh hưởng của nCoV: + Đối với VNM: xuất khẩu vào Trung Quốc vẫn chưa ảnh hưởng do xuất khẩu chính ngạch bằng đường thủy (cảng chưa bị cấm). Đồng thời, có dịch thì người dân Trung Quốc dự kiến tăng tiêu thụ các sản phẩm dinh dưỡng, tăng sức đề kháng. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi kênh trường học do học sinh nghỉ kéo dài. Đối với việc đảo lộn về sản xuất, VNM chỉ có tồn kho 1 tháng nên có thể thay đổi sản lượng sản xuất nhanh.
VHC 2020Q1	21/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 35000 ; Giá tại Publish 34450 Năm 2020, BSC dự báo năm 2020 doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của VHC lần lượt đạt 8,645 tỷ (+9.9% YoY) và 956 tỷ (-18.9% YoY) (giảm lần lượt 23.0% và 38.4% doanh thu và lợi nhuận sau thuế so với dự phóng trước). EPS dự phóng 2020 đạt 5,197 VND/cp, tương đương với PE fw 2020 là 6.6. Ảnh hưởng bởi dịch bệnh nCoV khiến nhu cầu tiêu thụ tại thị trường Trung Quốc giảm. Các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu vào Mỹ trong trường hợp thuế POR 15 chính thức là 0% (POR15 sơ bộ đang là 0%).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn